TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HNGĐ
Ngày 28 – 3 – 2024
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Bình;

Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Lan;

Ông Nguyễn Đăng Cường;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 về "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trịnh Khắc N Msinh năm 1999;

Địa chỉ: Thôn A (Thôn T), xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng

Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Chị Tô Tống Hạnh N năm 2001;

Địa chỉ: Tổ A, khu C, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn anh Trịnh Khắc Nhật M trình bày: Anh và chị Tô Tống Hạnh N hôn với nhau vào ngày 28/4/2022, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Q, thành phố H cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trước khi kết hôn chưa ai có vợ có chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng khác biệt trong cách suy nghĩ, lối sống nên thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn

trọng nhau. Cuộc sống chung rất căng thẳng, mệt mỏi. Chị N về nhà ngoại tại thành phố H sống từ tháng 03/2023 đến nay, vợ chồng sống ly thân từ đó. Trong thời gian ly thân anh và chị N có tìm cách hàn gắn, gia đình hai bên cũng hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn của anh chị đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được. Nay anh M còn tình cảm với chị N, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N

- Về con chung: Anh M chị N có 01 con chung là Trịnh Tô T Ssinh ngày 02/12/2022, khi ly hôn anh M ý để chị N tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Mcấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)/tháng kể từ khi có bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh M quyền qua lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh M chị N không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết

Bị đơn chị Tô Tống Hạnh N lời khai tại bản tự khai thể hiện: Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn giữa chị và anh Trịnh Khắc Nhật M như anh M trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh M tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến chị. Cuộc sống hôn nhân căng thẳng mệt mỏi. Vì vậy, chị đã chuyển về nhà ngoại sống từ tháng 03/2023 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Chị N không còn tình cảm với anh M. Chị Nđề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M

- Về con chung: Chị N anh M có 01 con chung là Trịnh Tô T Ssinh ngày 02/12/2022, khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)/tháng kể từ tháng 03/2024 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh M quyền qua lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh M chị N có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình hòa giải, anh Trịnh Khắc Nhật M đồng ý để chị N con chung khi hai vợ chồng ly hôn và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi dưỡng nuôi con chung 20.000.000 đồng/ tháng. Tuy nhiên đến ngày 27/02/2024, anh M đổi quan điểm đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/ tháng.

Ngày 06/3/2024, anh Trịnh Khắc N M có nộp đơn trình bày và được tổ dân khu phố xác nhận thông tin anh M chị N cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị N chuyển về nhà ngoại sống từ tháng 03/2024.

Ngày 18/3/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của chị Tô Tống H Ntrong đơn chị thể hiện quan điểm đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng mà anh Mđề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về quan hệ tranh chấp: anh Trịnh Khắc Nhật M có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với chị Tô Tống Hạnh N. Đây là vụ án "Tranh chấp về hôn nhân gia đình" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo đúng trình tự và thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Trong quá trình tống đạt các tài liệu, quyết định tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo đúng trình tự thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, anh Trịnh Khắc N Mvà chị Tô Tống H N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2]. Về tình cảm: anh Trịnh Khắc N Mvà chị Tô Tống Hạnh N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau. Anh M chị N đã sống ly thân từ tháng 03/2023 đến nay, hai người không thể hàn gắn tình cảm được. Mặc dù hai bên gia đình đã khuyên bảo và hoà giải nhưng mâu thuẫn đến nay vẫn không được giải quyết. Mâu thuẫn này đã được địa phương nơi anh chị cư trú xác nhận. Như vậy, thực tế cuộc hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng mà không thể hàn gắn được, mục đích chung sống không đạt. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh Trịnh Khắc N M đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn là có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống Anh M chị N 01 con chung là Trịnh Tô T Ssinh ngày 02/12/2022, khi ly hôn anh M ý để chị N tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị N người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử sở thẩm, chị N có văn bản thể hiện đồng ý với mức cấp dưỡng 5.000.000 đồng mà nguyên đơn anh M ra. Vì vậy, Hội

đồng xét xử cần ghi nhận quan điểm của các đương sự về việc nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí anh Trịnh Khắc Nhật M chịu tiền án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trịnh Khắc Nhật M

+ Về quan hệ hôn nhân: anh TKhắc Nhật M ly hôn với chị Tô Tống H N

+ Về con chung:

- Chị Tô Tống H N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Trịnh Tô Tuệ S ngày 02/12/2022 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

- Anh Trịnh Khắc Nhật M nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

- Anh Trịnh Khắc N Mcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về án phí: Anh Trịnh Khắc N M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (*anh M đã nộp ngày 24/01/2024 theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000454 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long*) và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện và cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND Tp Hạ Long;*
- *THA dân sự Tp Hạ Long;*
- *TAND tỉnh QN;*
- *UBND xã Quảng Thanh, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng;*
- *Lưu.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Ngọc Bình